TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ -TP ĐÀ NẴNG** Số: **246**/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Sơn Trà, ngày 06 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 227/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn C, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981. Cùng trú tại: Khu 2B Tầng 7/12 Làng Cá Nại Hiên Đông, phường NHĐ, quận S, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M kết hôn vào năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong mọi sinh hoạt trong gia đình, thường xuyên cãi nhau và ông bà đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, hiện nay ông bà nhận thấy tình cảm hai bên không còn, không muốn duy trì quan hệ vợ chồng nữa nên yêu cầu Tòa án cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M khai nhận có 03 con chung là Nguyễn Thị Tiên Ng, sinh ngày 28.4.2004, Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 22.10.2005 và Nguyễn V, sinh ngày 13.9.2011.Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau: Bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn V đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với 02 con chung Tiên Ng và Tuyết M đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự bảo đảm quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật HNGĐ nên chấp nhận.

[3]. *Về tài sản chung:* Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về nợ chung:* Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M xác nhận không có.

[5]. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 27.10.2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 28.03.2006 của UBND xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam không còn giá trị pháp lý.

1.2.Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M khai nhận có 03 con chung là Nguyễn Thị Tiên Ng, sinh ngày 28.4.2004, Nguyễn Thị Tuyết M, sinh ngày 22.10.2005 và Nguyễn V, sinh ngày 13.9.2011. Hai bên đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

Bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn V, sinh ngày 13.9.2011 đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với 02 con chung Tiên Ng và Tuyết M đã đủ tuổi trưởng thành nên không đề cập đến.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3.Về tài sản chung: Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4.Về nợ chung*:* Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *đồng (ba trăm ngàn đồng y)* ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002083 ngày 17.10.2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Ông Nguyễn C và bà Nguyễn Thị M đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 06, 07 và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND x Duy Vinh, h Duy Xuyên, t Quảng Nam
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Thủy